

Số: 127/2026/QĐST-VHNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 31/2026/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc “ Yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

CCCD số: 08608301xxxx do Cục trưởng Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/08/2021

Địa chỉ : xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Văn Anh T, sinh năm 1984

CCCD số: 08618400xxxx do Bộ Công an cấp ngày 16/7/2024

Địa chỉ : xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung được thể hiện tại Biên bản Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 26/8/2008 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày: 26/07/2011, giới tính nữ; Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 01/02/2020, giới tính nữ.

Ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày: 26/07/2011, giới tính nữ cho bà Văn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Văn Anh T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 01/02/2020, giới tính nữ cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Văn Anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/25E, số 0049608 ngày 15/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T và bà Văn Anh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh
- UBND phường L, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Long Toàn



